



# ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK1 MÔN GDCD 12

## NĂM HỌC 2022-2023

### 1. Nội dung ôn tập

#### Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

##### 1. Khái niệm pháp luật:

a. Pháp luật là gì? Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước, nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

b. Đặc trưng của pháp luật:

- Tính quy phạm phổ biến.
- Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- Tính chặt chẽ về mặt hình thức.

##### 2. Bản chất của pháp luật:

a. Bản chất giai cấp của pháp luật: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

b. Bản chất xã hội của pháp luật:

- + Pháp luật bắt nguồn từ đời sống thực tiễn xã hội, do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.
- + Pháp luật không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác trong xã hội.
- + Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội vì sự phát triển của xã hội.

##### 3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức:

a. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế (đọc thêm)

b. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị (đọc thêm)

c. Mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức:

- Trong hàng loạt quy phạm pháp luật luôn thể hiện các quan niệm về đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội.
- Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.
- Những giá trị cơ bản của pháp luật - công bằng, bình đẳng, tự do, lẽ phải cũng là những giá trị đạo đức cao cả mà con người hướng tới.

##### 4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội:

a. PL là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội:

- Không có pháp luật, xã hội sẽ không có trật tự, ổn định, không thể tồn tại và phát triển được.
- Nhờ có pháp luật, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động cá nhân, tổ chức.
- Pháp luật sẽ bảo đảm dân chủ, công bằng, phù hợp lợi ích chung của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau.
- Pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách thống nhất trong toàn quốc và được đảm bảo bằng sức mạnh quyền lực của nhà nước nên hiệu lực thi hành cao.



b. PL là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình:

- Hiến pháp quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong từng lĩnh vực cụ thể.
- Công dân thực hiện quyền của mình theo quy định của PL.
- PL là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

## Bài 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

### 1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật:

a. Khái niệm thực hiện pháp luật: Là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của PL đi vào cuộc sống, trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật:

- Sử dụng PL: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép làm.
- Thi hành PL: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.
- Tuân thủ PL: Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.
- Áp dụng PL: Các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

c. Các giai đoạn thực hiện PL: (không học)

### 2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý:

a. Vi phạm pháp luật:

- Có 3 dấu hiệu nhận biết vi phạm PL:

- + Hành vi trái pháp luật.
- + Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.
- + Người vi phạm pháp luật phải có lỗi.

- Khái niệm: Là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm các quan hệ xã hội do PL bảo vệ.

b. Trách nhiệm pháp lý: Là nghĩa vụ mà các chủ thể vi phạm PL phải gánh chịu những biện pháp cưỡng chế do nhà nước áp dụng.

c. Các loại vi phạm PL và trách nhiệm pháp lý:

- Vi phạm hình sự: là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, được coi là tội phạm và quy định tại Bộ luật Hình sự. Người có hành vi vi phạm hình sự phải chịu trách nhiệm hình sự, thể hiện ở việc phải chấp hành hình phạt theo quyết định của Tòa án.
- Vi phạm hành chính: là hành vi vi phạm PL có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước. Người vi phạm hình sự phải chịu trách nhiệm hành chính, như: bị phạt tiền, phạt cảnh cáo, khôi phục lại tình trạng ban đầu, thu giữ tang vật, phương tiện được để vi phạm,...
- Vi phạm dân sự: là hành vi vi phạm PL xâm phạm các mối quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
- Vi phạm kỷ luật: là vi phạm PL xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước,...
- + Trách nhiệm kỷ luật: các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, thôi việc, chuyển công tác khác,...

## Bài 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

### 1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ:



- Khái niệm: là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

- Hiểu về quyền và nghĩa vụ:

+ Bất kỳ công dân nào, nếu đáp ứng các quy định của pháp luật đều được hưởng các quyền công dân. Ngoài việc hưởng quyền, công dân còn phải thực hiện nghĩa vụ một cách bình đẳng.

+ Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội.

**2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý:** Là bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm pháp luật của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### 3. Trách nhiệm của Nhà nước:

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được nhà nước quy định trong Hiến pháp và luật.

- Nhà nước không những đảm bảo cho công dân bình đẳng trước pháp luật mà còn xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân.

- Nhà nước không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phù hợp với từng thời kỳ nhất định làm cơ sở pháp lý cho việc xử lý hành vi xâm hại quyền và nghĩa vụ của công dân.

## Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

### 1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình:

a. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình? Là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không biệt đối xử trong mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình:

- Bình đẳng giữa vợ chồng: Được thể hiện trong quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

+ Quan hệ nhân thân:

\* Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau...

\* Vợ chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định...

+ Quan hệ tài sản:

\* Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung...

\* Những tài sản chung của vợ chồng khi đăng kí quyền sở hữu...

\* Việc mua, bán, đổi, cho, vay, mượn và những giao dịch dân sự khác có liên quan tài sản chung...

\* Ngoài ra, vợ chồng vẫn có tài sản riêng...

- Bình đẳng giữa cha mẹ và con.

- Bình đẳng giữa ông bà và cháu.

- Bình đẳng giữa anh chị em.

### 2. Bình đẳng trong lao động:

a. Thế nào là bình đẳng trong lao động? Là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua tìm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và nữ trong cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

b. Nội dung cơ bản:

- Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.



- + Quyền lao động là quyền của công dân được tự do sử dụng sức lao động của mình trong việc tìm kiếm...
- + Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm...
- + Người lao động phải đủ tuổi theo quy định, có khả năng lao động và giao kết hợp đồng lao động...
- Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- + Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công...
- + Nguyên tắc: Tự do; tự nguyện; bình đẳng; không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể; giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.
- Công dân bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- + Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm.
- + Bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.
- + Được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm...
- + Lao động nữ cần được quan tâm hơn đến đặc điểm về cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ...

### 3. Bình đẳng trong kinh doanh:

a. Khái niệm: Là cá nhân, tổ chức khi tham gia quan hệ kinh tế từ lựa chọn ngành nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức kinh doanh đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh, bình đẳng theo quy định của pháp luật.

b. Nội dung cơ bản:

- Có quyền lựa chọn hình thức, tổ chức kinh doanh theo sở thích và khả năng nếu có đủ điều kiện.
- Tự chủ đăng ký kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.
- Khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.
- Chủ động mở rộng quy mô, ngành nghề kinh doanh.
- Bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

## Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

### 1. Bình đẳng giữa các dân tộc:

a. Khái niệm: Là các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc, màu da,... được nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

b. Nội dung quyền bình đẳng:

- Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về chính trị: Thông qua quyền của công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia vào bộ máy nhà nước... thực hiện theo 2 hình thức: trực tiếp và gián tiếp.
- Các dân tộc ở Việt Nam đều bình đẳng về kinh tế: Chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, không có sự phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số. Các vùng: sâu, xa, đồng bào dân tộc thiểu số được Nhà nước quan tâm đặc biệt.
- Các dân tộc ở Việt Nam đều bình đẳng về văn hóa, giáo dục:
- + Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết riêng của mình. Những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp được giữ gìn, khôi phục và phát huy...
- + Các dân tộc đều bình đẳng trong hưởng thụ nền giáo dục nước nhà, Nhà nước tạo mọi điều kiện để các dân tộc khác nhau đều bình đẳng về cơ hội học tập.



c. Ý nghĩa:

- Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở đoàn kết các dân tộc.
- Đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển là sức mạnh toàn diện góp phần xây dựng đất nước.

d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước: (đọc thêm)

## 2. Bình đẳng giữa các tôn giáo:

a. Khái niệm: Là các tôn giáo ở Việt Nam có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật, bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo đều được pháp luật bảo vệ.

b. Nội dung quyền bình đẳng:

- Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước PL, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của PL.
- Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của PL được Nhà nước bảo đảm, các cơ sở tôn giáo được PL bảo hộ.

c. Ý nghĩa:

- Là cơ sở tiền đề quan trọng của khối đoàn kết dân tộc.
- Thúc đẩy tinh thần đoàn kết keo sơn của nhân dân VN.
- Tạo sức mạnh tổng hợp cả dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước.

d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước: (đọc thêm)

## Bài 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN

### 1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể:

- Khái niệm: Là không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

- Nội dung:

- + Không một ai dù ở cương vị nào có quyền tự ý bắt và giam giữ người vì lý do không chính đáng hoặc nghi ngờ không có căn cứ.
- + Các trường hợp bắt giam giữ người:
  - \* Bắt người khi có quyết định của VKS, cơ quan điều tra, Toà án.
  - \* Bắt người trong trường hợp khẩn cấp khi thuộc một trong ba căn cứ theo quy định của pháp luật...
  - \* Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

### 2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm:

- Khái niệm:

- + Công dân có quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự và nhân phẩm.
- + Không ai được xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

- Nội dung:

- + Không ai được xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác.
  - \* Đánh người, hành vi hung hãn, côn đồ.
  - \* Giết người, đe dọa giết người, làm chết người.
- + Không ai được xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm người khác: Bịa ra tin xấu, nói xấu, xúc phạm người khác, hạ uy tín, gây thiệt hại về danh dự cho người khác.



## 2. Bài tập ôn tập

### Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

**Câu 1: Pháp luật là:**

- A. hệ thống các văn bản và nghị định do các cấp ban hành và thực hiện .
- B. những luật và điều luật cụ thể do người dân nêu ra trong thực tế đời sống.
- C. hệ thống các quy tắc xử chung do nhà nước ban hành.
- D. hệ thống các quy tắc xử hình thành theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

**Câu 2: Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:**

- A. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
- B. Quy định các hành vi được làm, phải làm, không được làm.
- C. Quy định các bổn phận của công dân về quyền và nghĩa vụ.
- D. Các quy tắc xử sự chung (việc được làm, phải làm, không được làm).

**Câu 3: Một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với quy phạm đạo đức là:**

- A. Pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Pháp luật có tính quyền lực, không bắt buộc chung.
- C. Pháp luật có tính bắt buộc chung.
- D. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến.

**Câu 4: Pháp luật là phương tiện để nhà nước:**

- A. Quản lý công dân.
- B. Quản lý xã hội.
- C. Bảo vệ các công dân.
- D. Bảo vệ các giai cấp.

**Câu 5: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện ý chí của:**

- A. Nhân dân lao động.
- B. Giai cấp nông dân.
- C. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- D. Tất cả mọi người trong xã hội.

**Câu 6: Pháp luật là phương tiện để công dân:**

- A. Sống tự do, dân chủ, công bằng và văn minh.
- B. Thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
- C. Quyền con người được tôn trọng và bảo vệ trước nhà nước.
- D. Công dân được tạo điều kiện để phát triển toàn diện.

**Câu 7: Các đặc trưng của pháp luật:**

- A. Bắt nguồn từ thực tế đời sống, mang tính bắt buộc chung, tính quy phạm phổ biến.
- B. Vì sự phát triển của xã hội, mang tính bắt buộc chung, tính quy phạm phổ biến.
- C. Tính quy phạm phổ biến; tính quyền lực, bắt buộc chung; tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- D. Mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội, mang tính bắt buộc chung, mang tính quy phạm phổ biến.

**Câu 8: Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện:**



- A. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.
- B. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
- C. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
- D. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển xã hội.

**Câu 9: Một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với quy phạm đạo đức là:**

- A. Pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Pháp luật có tính quyền lực.
- C. Pháp luật có tính bắt buộc chung.
- D. Pháp luật có tính quy phạm.

**Câu 10: Nếu không có pháp luật xã hội sẽ không:**

- A. Dân chủ và hạnh phúc
- B. Trật tự và ổn định
- C. Hòa bình và dân chủ
- D. Sức mạnh và quyền lực

**Câu 11: Trong hàng loạt quy phạm Pháp luật luôn thể hiện các quan niệm về.....có tính chất phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội:**

- A. Đạo đức
- B. Giáo dục
- C. Khoa học
- D. Văn hóa

**Câu 12: Hãy hoàn thiện câu thơ sau:**

“ Bày xin ..... ban hành

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”(sgk - GDCD12 - Tr04)

- A. Pháp luật
- B. Đạo luật
- C. Hiến pháp
- D. Điều luật

**Câu 13: Khẳng định nào sau đây là sai:**

- A. Pháp luật là các nội dung cơ bản về các đường lối chủ trương của đảng.
- B. Pháp luật là quy định về các hành vi được làm, phải làm, không được làm.
- C. Pháp luật là các quy định các bổn phận của công dân về quyền và nghĩa vụ.
- D. Pháp luật là các quy tắc xử sự chung (việc được làm, phải làm, không được làm).

**Câu 14: Theo em Nhà nước dùng công cụ nào để quản lý xã hội:**

- A. pháp luật.
- B. lực lượng công an.
- C. lực lượng quân đội.
- D. bộ máy chính quyền các cấp.

**Câu 15: Em hãy hoàn thiện khẳng định sau: “Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính ....., do ..... ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ..... của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện ....., là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”**

- A. bắt buộc – quốc hội – ý chí – chính trị.
- B. bắt buộc chung – nhà nước – lý tưởng – chính trị.
- C. bắt buộc – quốc hội – lý tưởng – kinh tế xã hội.
- D. bắt buộc chung – nhà nước – ý chí – kinh tế xã hội.

**Câu 16: Pháp luật do cơ quan quyền lực nào ban hành:**

- A. Quốc hội
- B. Nhà nước
- C. Tòa án
- D. Viện kiểm sát

**Câu 17: Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:**

- A. Pháp luật là khuôn mẫu riêng cho cách xử sự của mọi người trong hoàn cảnh, điều kiện như nhau.



- B. Pháp luật là cách thức riêng cho cách xử sự của mọi người trong hoàn cảnh, điều kiện như nhau.
- C. Pháp luật là khuôn mẫu chung cho cách xử sự của mọi người trong hoàn cảnh, điều kiện như nhau.
- D. Pháp luật là cách thức chung cho cách xử sự của mọi người trong hoàn cảnh, điều kiện như nhau.

**Câu 18: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất:**

- A. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí nhân dân.
- B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- C. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí xã hội.
- D. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí nhân dân.

**Câu 19: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất:**

- A. Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua đường lối, chủ trương, chính sách của đảng trong từng thời kì.
- B. Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua các cơ quan quyền lực nhà nước, bộ máy chính quyền ở từng địa phương.
- C. Đảng lãnh đạo nhà nước bằng cách đào tạo và giới thiệu những Đảng viên ưu tú vào cơ quan nhà nước.
- D. Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và văn bản luật, các quy định về luật.

**Câu 20: Từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) cho đến nay, nước ta có mấy bản hiến pháp, đó là những bản hiến pháp (HP) nào?**

- A. 5 (HP 1946, HP 1959, HP 1980, HP 1992, HP 2013).
- B. 4 (HP 1945, HP 1959, HP 1980, HP 1992).
- C. 4 (HP 1946, HP 1959, HP 1980, HP 1992).
- D. 5 (HP 1945, HP 1959, HP 1980, HP 1991, HP 2013).

**Câu 21: Bản hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (HP 2013) có hiệu lực năm nào?**

- A. 2015
- B. 2013
- C. 2016
- D. 2014

**Câu 22: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất:**

- A. Mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước tòa án.
- B. Mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước pháp luật.
- C. Mọi công dân đều có quyền bình đẳng về quyền lợi chính đáng.
- D. Mọi công dân đều có quyền bình đẳng về nghĩa vụ.

**Câu 23: Chủ tịch nước là người.....Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại:**

- A. lãnh đạo
- B. đứng đầu
- C. chủ trì
- D. thay mặt

**Câu 24: Trong các văn bản quy phạm pháp luật sau, em hãy cho biết văn bản nào có hiệu lực pháp lí cao nhất?**

- A. Hiến pháp
- B. Nghị quyết
- C. Pháp lệnh
- D. Luật

**Câu 25: Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu:**

- A. Hội đồng nhân dân các cấp
- B. Ủy ban nhân các cấp





C. Nhà nước D. Quốc hội

**Câu 26: So với khu vực và thế giới, nền chính trị nước ta :**

- A. Luôn luôn bị đe dọa.                      B. Tiềm ẩn nguy cơ bất ổn cao  
C. Ổn định    D. Bất ổn

**Câu 27: Hiến pháp là luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lí cao nhất nên:**

- A. Nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được trái luật định.  
B. Nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được trái quy định.  
C. Nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được sửa đổi.  
D. Nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được trái Hiến pháp.

**Câu 28: Theo em nhà nước ta cho phép người dân có quyền tham gia góp ý vào các dự thảo luật, điều đó thể hiện dân chủ trong lĩnh vực nào?**

- A. Kinh tế                      B. Pháp luật                      C. Chính trị                      D. Văn hoá - Tinh thần

**Câu 29: Bằng kiến thức của mình về pháp luật em hãy cho biết quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có nhiệm kỳ mấy năm?**

- A. 4 năm                      B. 5 năm                      C. 6 năm                      D. 3 năm

**Câu 30: Văn bản luật bao gồm:**

- A. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của quốc hội.                      B. Luật, Bộ luật  
C. Hiến pháp, Luật, Bộ luật                      D. Hiến pháp, Luật

**Bài 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**Câu 1 : Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện quyền (những việc được làm) là:**

- A. Sử dụng pháp luật.                      B. Thi hành pháp luật.  
C. Tuân thủ pháp luật.                      D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 2 : Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là :**

- A. Sử dụng pháp luật.                      B. Thi hành pháp luật.  
C. Tuân thủ pháp luật.                      D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 3 : Các tổ chức cá nhân không làm những việc bị cấm là:**

- A. Sử dụng pháp luật.                      B. Thi hành pháp luật.  
C. Tuân thủ pháp luật.                      D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 4: Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:**

- A. Từ đủ 18 tuổi trở lên.                      B. Từ 18 tuổi trở lên.  
C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.                      D. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

**Câu 5: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới:**

- A. các quy tắc quản lý nhà nước.  
B. các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.  
C. các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.  
D. các quy tắc kỉ luật lao động



**Câu 6 : Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:**

- A. Từ đủ 14 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- C. Từ 18 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

**Câu 7: Vi phạm hình sự là:**

- A. hành vi rất nguy hiểm cho xã hội.
- B. hành vi nguy hiểm cho xã hội.
- C. hành vi tương đối nguy hiểm cho xã hội.
- D. hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội

**Câu 8. Vi phạm hành chính là hành vi xâm phạm các:**

- A. quy tắc quản lý nhà nước .
- B. quy tắc kỉ luật lao động.
- C. quy tắc quản lý xã hội.
- D. nguyên tắc quản lý hành chính.

**Câu 9: Thực hiện pháp luật là:**

- A. đưa pháp luật vào đời sống của từng công dân.
- B. làm cho những quy định của pháp luật đi vào đời sống.
- C. làm cho các qui định của pháp luật trở thành các hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức
- D. áp dụng pháp luật để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

**Câu 10: Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có....., làm cho những.....của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi.....của các cá nhân, tổ chức:**

- A. ý thức/quy phạm/hợp pháp
- B. ý thức/ quy định/ chuẩn mực
- C. mục đích/ quy định/ chuẩn mực
- D. mục đích/ quy định/ hợp pháp

**Câu 11: Những hành vi xâm phạm đến các quan hệ lao động, quan hệ công vụ nhà nước... do pháp luật lao động quy định, pháp luật hành chính bảo vệ được gọi là vi phạm:**

- A. Hành chính
- B. Pháp luật hành chính
- C. Kỉ luật
- D. Pháp luật lao động

**Câu 12: Cá nhân tổ chức thi hành pháp luật tức là thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ chủ động làm những gì mà pháp luật:**

- A. quy định làm
- B. quy định phải làm
- C. cho phép làm
- D. không cấm

**Câu 13: Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực ..... thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ:**

- A. trách nhiệm
- B. hiểu biết
- C. trách nhiệm pháp lí
- D. nghĩa vụ pháp lí

**Câu 14: Cá nhân, tổ chức tuân thủ pháp luật tức là không làm những điều mà pháp luật:**

- A. cho phép làm.
- B. cấm.
- C. không cấm.
- D. không đồng ý.

**Câu 15: Trách nhiệm pháp lý là .....mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình:**



- A. nghĩa vụ
- B. trách nhiệm
- C. việc làm
- D. thái độ

**Câu 16: Đối tượng nào sau đây không bị xử phạt hành chính?**

- A. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi
- B. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi
- C. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi
- D. Người từ dưới 16 tuổi

**Câu 17: Căn cứ vào đâu để xác định tội phạm:**

- A. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội
- B. Thái độ và tinh thần của hành vi vi phạm
- C. Trạng thái và thái độ của chủ thể
- D. Nhận thức và sức khỏe của đối tượng

**Câu 18: Người nào sau đây là người không có năng lực trách nhiệm pháp lý?**

- A. Say rượu
- B. Bị ép buộc
- C. Bị bệnh tâm thần
- D. Bị dụ dỗ

**Câu 19: Người bị coi là tội phạm nếu:**

- A. Vi phạm hành chính
- B. Vi phạm hình sự
- C. Vi phạm kỷ luật
- D. Vi phạm dân sự

**Câu 20: Trong các quyền dân sự của công dân, quyền nào là quan trọng nhất?**

- A. Tài sản
- B. Nhân thân
- C. Sở hữu
- D. Định đoạt

**Câu 21: Để tham gia tố tụng dân sự người chưa thành niên phải:**

- A. có năng lực trách nhiệm hình sự
- B. có người đỡ đầu
- C. có người đại diện pháp luật
- D. có bố mẹ đại diện

**Câu 22: Điểm khác nhau cơ bản giữa vi phạm hành chính và vi phạm hình sự là?**

- A. Hành vi vi phạm
- B. Biện pháp xử lí
- C. Mức độ vi phạm
- D. Chủ thể vi phạm

**Câu 23: So với các biện pháp xử lí, cường chế khác trong luật Dân sự, luật Hành chính thì hình phạt của luật hình sự là:**

- A. Biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước
- B. Biện pháp cứng rắn nhất của nhà nước
- C. Biện pháp cưỡng chế cứng rắn nhất của nhà nước
- D. Biện pháp nghiêm khắc nhất của nhà nước

**Câu 24: Không áp dụng hình phạt tử hình, tù chung thân đối với**

- A. người dưới 16 tuổi
- B. người chưa thành niên
- C. người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi
- D. người từ đủ 12 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi



**Câu 25: Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:**

- A. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi
- B. Từ 18 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên

**Câu 26: Người thực hiện tội phạm phải:**

- A. có năng lực trách nhiệm hình sự
- B. điều khiển được hành vi của mình
- C. có nhận thức và suy nghĩ
- D. không mắc bệnh tâm thần

**Câu 27: Năng lực của chủ thể bao gồm:**

- A. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi.
- B. Năng lực pháp luật và năng lực công dân
- C. Năng lực hành vi và năng lực nhận thức
- D. Năng lực pháp luật và năng lực nhận thức

**Câu 28: Người chưa thành niên, theo qui định pháp luật Việt Nam là người chưa đủ:**

- A. 18 tuổi
- B. 16 tuổi
- C. 15 tuổi
- D. 17 tuổi

**Câu 29: Hình thức áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật:**

- A. do mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện
- B. do cơ quan, công chức thực hiện
- C. do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền thực hiện
- D. do cơ quan, cá nhân có quyền thực hiện

**Câu 30: Người có hành vi trộm cắp phải chịu trách nhiệm pháp lý hay trách nhiệm đạo đức?**

- A. Cả trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức
- B. Chỉ chịu trách nhiệm đạo đức nếu trộm cắp tài sản có giá trị nhỏ
- C. Không phải chịu trách nhiệm nào cả
- D. Trách nhiệm pháp lý

**Câu 31: Ông A là người có thu nhập cao, hằng năm ông A chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này ông A đã:**

- A. sử dụng pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật
- C. thi hành pháp luật
- D. áp dụng pháp luật

**Câu 32: Chị C không đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy trên đường. Trong trường hợp này chị C đã:**

- A. không sử dụng pháp luật
- B. không tuân thủ pháp luật
- C. không thi hành pháp luật
- D. không áp dụng pháp luật

**Câu 33: Công dân A không tham gia buôn bán, tàng trữ và sử dụng chất ma túy. Trong trường hợp này, công dân A đã:**

- A. sử dụng pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật
- C. không tuân thủ pháp luật
- D. áp dụng pháp luật



**Câu 34:** Ông K lừa chị H bằng cách mượn của chị 10 lượng vàng nhưng đến ngày hẹn ông K đã không chịu trả cho chị H số vàng trên. Chị H đã làm đơn kiện ông K ra tòa. Việc chị H kiện ông K là hành vi:

- A. sử dụng pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật
- C. thi hành pháp luật
- D. áp dụng pháp luật

**Câu 35:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã trực tiếp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của một số công dân. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã:

- A. sử dụng pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật
- C. thi hành pháp luật
- D. áp dụng pháp luật

**Câu 36:** Nguyễn Văn C bị bắt vì tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C sẽ phải chịu:

- A. trách nhiệm kỉ luật
- B. trách nhiệm dân sự
- C. trách nhiệm hình sự
- D. trách nhiệm hành chính

**Câu 37:** Anh M đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội. Trong trường hợp này anh M đã:

- A. sử dụng pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật
- C. thi hành pháp luật
- D. áp dụng pháp luật

**Câu 38:** Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Vi phạm pháp luật hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hình sự.
- C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- D. Vi phạm kỷ luật

**Câu 39:** Bên mua không trả tiền đầy đủ và đúng thời hạn, đúng phương thức như đã thỏa thuận với bên bán hàng, khi đó bên mua đã có hành vi vi phạm :

- A. kỷ luật
- B. dân sự
- C. hình sự
- D. hành chính

**Câu 40:** Hành vi điều khiển phương tiện giao thông vượt đèn đỏ, chở người trái quy định, không đội mũ bảo hiểm là hành vi:

- A. vi phạm dân sự
- B. vi phạm hình sự
- C. vi phạm hành chính
- D. vi phạm kỉ luật

**Câu 41:** Hành vi buôn bán ma túy là hành vi vi phạm pháp luật và phải chịu:

- A. trách nhiệm dân sự
- B. vi phạm hình sự
- C. trách nhiệm hình sự
- D. vi phạm hành chính

**Câu 42:** Anh B điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường mà không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, anh B đã vi phạm:

- A. kỉ luật
- B. dân sự
- C. hành chính
- D. hình sự

**Câu 43 :** Cố ý lái xe gây tai nạn nghiêm trọng cho người khác là hành vi vi phạm :

- A. Kỷ luật
- B. Dân sự
- C. Hình sự
- D. Hành chính

**Câu 44:** Nam công dân từ 18 đến 25 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự, thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?



- A. Thi hành pháp luật
- B. Sử dụng pháp luật
- C. Tuân thủ pháp luật
- D. Áp dụng pháp luật

**Câu 45: Trong các hành vi sau đây, hành vi nào phải chịu trách nhiệm kỉ luật?**

- A. Cướp giật dây chuyền, túi xách người đi đường
- B. Chặt cành, tía cây mà không đặt biển báo
- C. Vay tiền dây dưa không trả
- D. Xây nhà trái phép

**Câu 46: Người nào sau đây cần phải có người đại diện thay mặt trong tố tụng để bảo đảm cho các quyền và nghĩa vụ của họ trong quá trình giải quyết vụ án dân sự:**

- A. Người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi
- B. Người từ dưới 16 tuổi
- C. Người từ đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi
- D. Người từ dưới 18 tuổi

**Câu 47: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lí:**

- A. hành chính
- B. hình sự
- C. lao động
- D. dân sự

**Câu 48 : Học sinh sử dụng tài liệu khi kiểm tra giữa kỳ là hành vi vi phạm :**

- A. dân sự
- B. hình sự
- C. kỷ luật
- D. hành chính

**Câu 49: Trong các hành vi sau đây, hành vi nào phải chịu trách nhiệm về mặt hình sự?**

- A. Vượt đèn đỏ
- B. Đi ngược chiều
- C. Chở người quá quy định
- D. Lạng lách gây tai nạn chết người

**Câu 50 : Bên mua không trả tiền đầy đủ và đúng thời hạn, đúng phương thức như đã thỏa thuận với bên bán hàng, khi đó bên mua đã có hành vi vi phạm :**

- A. kỷ luật
- B. dân sự
- C. hình sự
- D. hành chính

**BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

**Câu 1: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân:**

- A. Điều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.
- B. Điều có quyền như nhau
- C. Điều có nghĩa vụ như nhau.
- D. Điều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

**Câu 2: Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần và địa vị xã hội là nội dung của bình đẳng:**

- A. Về nghĩa vụ và trách nhiệm.
- B. Về quyền và nghĩa vụ.
- C. Về trách nhiệm pháp lí.
- D. Về các thành phần dân cư.

**Câu 3: Mọi người vi phạm pháp luật đều phải bị xử lý theo quy định của pháp luật là thể hiện bình đẳng về:**



- A. Trách nhiệm pháp lý.
- B. Nghĩa vụ và trách nhiệm.
- C. Quyền và nghĩa vụ.
- D. Trách nhiệm.

**Câu 4: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lí theo quy định của pháp luật, là thể hiện công dân bình đẳng về:**

- A. Trách nhiệm kinh tế.
- B. Trách nhiệm pháp lí.
- C. Trách nhiệm xã hội.
- D. Trách nhiệm chính trị.

**Câu 5: Việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là trách nhiệm của:**

- A. Nhà nước
- B. Nhà nước và xã hội
- C. Nhà nước và pháp luật.
- D. Nhà nước và công dân

**Câu 6: Điền vào chỗ trống: “Công dân .....có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.”**

- A. Được hưởng quyền và nghĩa vụ.
- B. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- C. Có quyền bình đẳng và tự do về quyền và nghĩa vụ
- D. Có quyền và nghĩa vụ ngang nhau.

**Câu 7: Bác hồ nói: “Hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử, không chia gái, trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái”. Câu nói của Bác Hồ nghĩa là công dân bình đẳng về:**

- A. Trách nhiệm với đất nước.
- B. Quyền của công dân.
- C. Quyền và nghĩa vụ.
- D. Trách nhiệm pháp lí.

**Câu 8: Trách nhiệm pháp lý là nghĩa vụ mà các cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi nào dưới đây của mình?**

- A. Không cẩn thận
- B. Vi phạm pháp luật.
- C. Thiếu suy nghĩ.
- D. Thiếu kế hoạch.

**Câu 9: P được tạm hoãn gọi nhập ngũ vì đang học đại học, còn Q thì nhập ngũ phục vụ quân đội, nhưng cả hai vẫn bình đẳng với nhau. Vậy đó là bình đẳng nào dưới đây?**

- A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- B. Bình đẳng về thực hiện trách nhiệm pháp lý.
- C. Bình đẳng về trách nhiệm với tổ quốc.
- D. Bình đẳng về trách nhiệm với xã hội.

**Câu 10: Bình đẳng trước pháp luật là một trong những ..... của công dân:**

- A. quyền chính đáng
- B. quyền thiêng liêng
- C. quyền cơ bản
- D. quyền hợp pháp

**Câu 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:**

- A. dân tộc, giới tính, tôn giáo.
- B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.
- C. dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo.
- D. dân tộc, độ tuổi, giới tính.

**Câu 12: Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội, thể hiện ở :**



- A. công dân bình đẳng về quyền.
- B. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

**Câu 13: Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm mục đích nào dưới đây?**

- A. Trừng trị nghiêm khắc nhất đối với người vi phạm pháp luật.
- B. Buộc chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật.
- C. Xác định được người xấu và người tốt.
- D. Cách li người vi phạm với những người xung quanh.

**Câu 14: Qua kiểm tra việc buôn bán của các gia đình trong thị trấn, đội quản lý thị trường huyện M đã lập biên bản xử phạt một số hộ kinh doanh do kinh doanh nhiều mặt hàng không có trong giấy phép. Hình thức xử lý vi phạm được áp dụng là thể hiện điều gì dưới đây?**

- A. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
- B. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- C. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ và trách nhiệm.
- D. Mọi người bình đẳng trước tòa án.

**Câu 15: Cơ quan thuế xử phạt hành chính hai doanh nghiệp chậm nộp thuế, trong đó có một doanh nghiệp nhà nước và một doanh nghiệp tư nhân. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào dưới đây?**

- A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- B. Bình đẳng trước pháp luật.
- C. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Bình đẳng trong kinh doanh.

**Câu 16: C và là cán bộ được giao quản lý tài sản của Nhà nước nhưng đã lợi dụng vị trí công tác, tham ô hàng chục tỉ đồng. Cả hai đều bị tòa án xử phạt tù. Quyết định xử phạt của Tòa án là biểu hiện công dân bình đẳng về lĩnh vực nào dưới đây?**

- A. Về nghĩa vụ cá nhân.
- B. Về trách nhiệm công vụ.
- C. Về trách nhiệm pháp lý.
- D. Về nghĩa vụ quản lý.

**Câu 17: Bình đẳng trước pháp luật là một trong những ..... của công dân:**

- A. Quyền chính đáng
- B. Quyền thiêng liêng
- C. Quyền cơ bản
- D. Quyền hợp pháp

**Câu 18: Công dân có quyền cơ bản nào sau đây:**

- A. Quyền bầu cử, ứng cử
- B. Quyền tổ chức lật đổ
- C. Quyền lôi kéo, xúi giục.
- D. Quyền tham gia tổ chức phản động .

**Câu 19: Chủ tịch A của một xã sẽ chịu trách nhiệm gì khi ăn hối lộ, làm tổn thất quyền lợi trong cơ quan:**

- A. Phạt tiền.
- B. Giáng chức.
- C. Bãi nhiệm, miễn nhiệm.
- D. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, giáng chức.

**Câu 20: Theo quy định của pháp luật Việt Nam, người chưa thành niên có độ tuổi là bao nhiêu?**

- A. Chưa đủ 14 tuổi.
- B. Chưa đủ 16 tuổi.
- C. Chưa đủ 18 tuổi.
- D. Chưa đủ 20 tuổi.





**Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC ĐỜI SỐNG**

**Câu 1: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là:**

- A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
- B. Bình đẳng về việc hưởng quyền giữa các thành viên trong gia đình
- C. Bình đẳng về việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình
- D. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình.

**Câu 2: Mối quan hệ trong gia đình bao gồm những mối quan hệ cơ bản nào?**

- A. Quan hệ vợ chồng và quan hệ giữa vợ chồng với họ hàng bên nội, bên ngoại
- B. Quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống
- C. Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội
- D. Quan hệ thân thân và quan hệ tài sản.

**Câu 3: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng giữa anh chị em trong gia đình:**

- A. Đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ.
- B. Không phân biệt đối xử giữa các anh chị em.
- C. Yêu quý kính trọng ông bà cha mẹ.
- D. Sống mẫu mực và noi gương tốt cho nhau.

**Câu 4: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình?**

- A. Tự do kinh doanh theo khả năng và những ngành nghề mà pháp luật không cấm.
- B. Có quyền lựa chọn nghề nghiệp, được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự.
- C. Thực hiện đúng các giao kết hợp đồng lao động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng.
- D. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

**Câu 5: Theo quy định của Bộ Luật lao động, người lao động ít nhất phải đủ.....:**

- A. 14 tuổi                      B. 15 tuổi                      C. 16 tuổi                      D. 18 tuổi

**Câu 6: Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động là:**

- A. Bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động, trong giao kết hợp đồng lao động .
- B. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động, giữa người lao động và người sử dụng lao động.
- C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ, trong giao kết hợp đồng lao động.
- D. Bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động, trong giao kết hợp đồng lao động, giữa lao động nam và lao động nữ

**Câu 7: Theo Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đối với công dân có..... lao động là:**

- A. Nghĩa vụ                      B. Bỏ phạt                      C. Quyền lợi                      D. Quyền và nghĩa vụ

**Câu 8: Lao động nữ được quan tâm hơn lao động nam vì:**

- A. Lao động nữ yếu hơn lao động nam
- B. Lao động nữ trong các doanh nghiệp đông hơn lao động nam
- C. Lao động nữ có đặc điểm về cơ thể và thực hiện chức năng làm mẹ.
- D. Lao động nữ khéo léo, dẻo dai hơn lao động nam



**Câu 9. Mục đích quan trọng nhất của hoạt động kinh doanh là:**

- A. Tiêu thụ sản phẩm
- B. Tạo ra lợi nhuận
- C. Nâng cao chất lượng sản phẩm
- D. Giảm giá thành sản phẩm

**Câu 10: Quyền tự do kinh doanh của công dân được thể hiện trong các văn bản pháp luật nào?**

- A. Hiến Pháp
- B. Luật Doanh nghiệp
- C. Hiệp pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- D. Hiến pháp và Luật Doanh nghiệp.

**Câu 11: Quyền bình đẳng trong kinh doanh có bao nhiêu nội dung?**

- A. Bốn nội dung
- B. Năm nội dung
- C. Sáu nội dung
- D. Bảy nội dung

**Câu 12. Trong quá trình kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ gì đối với nhà nước:**

- A. Bảo vệ quyền lợi của người lao động
- B. Đóng thuế thu nhập cá nhân
- C. Đóng thuế nhà đất và thuế thu nhập cá nhân.
- D. Đóng thuế và những quy định khác của pháp luật đối với người kinh doanh.

**Câu 13. Vợ, chồng có quyền ngang nhau đối với tài sản chung có nghĩa là:**

- A. Những tài sản hai người có được sau khi kết hôn.
- B. Những tài sản có trong gia đình họ hàng hai bên nội, ngoại.
- C. Những tài sản hai người có được sau khi kết hôn và tài sản riêng của vợ hoặc chồng có trước khi kết hôn song không nhập vào tài sản chung của gia đình.
- D. Những tài sản được thừa kế của cha mẹ sau khi kết hôn không nhập vào tài sản chung.

**Câu 14: Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là:**

- A. Chỉ có người vợ mới có nghĩa vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục con cái.
- B. Chỉ có người chồng có quyền lựa chọn nơi cư trú, quyết định số con và thời gian sinh con.
- C. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.
- D. Người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.

**Câu 15: Điểm khác nhau cơ bản trong quan hệ tài sản giữa vợ chồng trong giai đoạn hiện nay và trong thời phong kiến ngày xưa thể hiện:**

- A. Chỉ có người chồng mới có quyền sở hữu mọi tài sản trong nhà.
- B. Người vợ được quyền nắm tài chính trong nhà và sử dụng nguồn tài chính do chồng làm ra
- C. Vợ, chồng bình đẳng trong quan hệ sở hữu tài sản.
- D. Người chồng được quyền sở hữu tài sản khi là lao động có thu nhập còn người vợ là lao động trong gia đình

**Câu 16: Điều nào sau đây không phải là mục đích của hôn nhân:**

- A. Xây dựng gia đình hạnh phúc



- B. Cùng cố tình yêu lứa đôi
- C. Tổ chức đời sống vật chất của gia đình
- D. Thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân đối với đất nước

**Câu 17: Quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong lao động thể hiện:**

- A. Nam và nữ bình đẳng về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động trong tất cả các ngành nghề.
- B. Người sử dụng lao động ưu tiên nhận nữ vào làm việc khi lao động nam có đủ tiêu chuẩn làm công việc mà doanh nghiệp đang cần.
- C. Lao động nữ được hưởng chế độ khám thai, nghỉ hậu sản, hết thời gian nghỉ hậu sản, khi trở lại làm việc, lao động nữ vẫn được bảo đảm chỗ làm việc, không bị sa thải nếu đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng.
- D. Trong quá trình lao động, lao động nữ được đi muộn hơn và về sớm hơn để lo công việc gia đình.

**Câu 18: Ý nào sau đây không thể hiện nguyên tắc khi giao kết hợp đồng lao động ?**

- A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng
- B. Không trái với pháp luật và thỏa ước lao động tập thể
- C. Giao kết trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động
- D. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình sau khi giao kết hợp đồng lao động

**Câu 19: Chủ thể của hợp đồng lao động là:**

- A. Người lao động và đại diện người lao động.
- B. Người lao động và người sử dụng lao động.
- C. Đại diện người lao động và người sử dụng lao động.
- D. Đại diện người lao động và đại diện người sử dụng lao động.

**Câu 20: Nội dung nào sau đây thể hiện bình đẳng trong thực hiện quyền lao động của công dân:**

- A. Nhà nước ban hành chủ trương chính sách tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- B. Người lao động nếu đủ tuổi thì có thể làm bất cứ việc gì để tạo ra thu nhập
- C. Những người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao được nhà nước và người sử dụng lao động ưu đãi.
- D. Những người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao cũng được hưởng những điều kiện như người lao động bình thường.

**Câu 21: Quyền tự do kinh doanh của công dân được hiểu là:**

- A. Mọi công dân đều có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.
- B. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề, lựa chọn hình thức tổ chức, quy mô kinh doanh, thực hiện quyền và nghĩa vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- C. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh.
- D. Mọi công dân đều có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh theo khả năng và sở thích của mình.

**Câu 22: Để thúc đẩy kinh doanh phát triển cần:**

- A. Tạo ra môi trường kinh doanh tự do.
- B. Tạo ra môi trường kinh doanh tự do, bình đẳng trên cơ sở của pháp luật.
- C. Nhà nước cần hỗ trợ vốn đối với các doanh nghiệp.



D. Chú trọng hợp tác với nước ngoài.

**Câu 23: Ý nào sau đây không thể hiện quyền tự do kinh doanh của công dân**

- A. Mọi công dân đều có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.
- B. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào theo sở thích của mình.
- C. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh.
- D. Công dân phải nộp thuế theo quy định của nhà nước.

**Câu 24: Nội dung nào sau đây không phản ánh sự bình đẳng trong kinh doanh**

- A. Tự do lựa chọn ngành nghề, địa điểm kinh doanh.
- B. Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong sản xuất.
- C. Chủ động mở rộng ngành nghề kinh doanh.
- D. Xúc tiến các hoạt động thương mại.

**Câu 25: Điều 29, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ghi nhận: Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, sở hữu tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập, điều này thể hiện bình đẳng về:**

- A. Quan hệ giữa vợ và chồng
- B. Quan hệ nhân thân
- C. Quan hệ tài sản
- D. Quan hệ tài sản giữa tài sản chung và tài sản riêng.

**Câu 26: Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì 2 bên nam, nữ phải.....quan hệ như vợ chồng:**

- A. Duy trì
- B. Chấm dứt
- C. Tạm hoãn
- D. Tạm dừng

**Câu 27: Sau khi kết hôn, anh B buộc chị A phải theo tôn giáo của mình. Việc làm của anh B đã vi phạm nội dung bình đẳng:**

- A. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình
- B. Bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng
- C. Bình đẳng giữa các tôn giáo
- D. Bình đẳng về quyền tự do cơ bản

**Câu 28: Chị A có thu nhập cao hơn chồng về kinh tế nên trong cuộc sống hàng ngày chị thường có những lời lẽ thiếu tôn trọng, xúc phạm chồng. Hành động của chị A đã vi phạm:**

- A. Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình
- B. Bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ tài sản
- C. Bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân
- D. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.

**Câu 29: Đối với lao động nữ, người sử dụng lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động nữ:**

- A. Kết hôn
- B. Nghỉ việc không lí do
- C. Nuôi con dưới 12 tháng tuổi
- D. Có thai

**Câu 30: Sau khi xem xét hồ sơ của người lao động, giám đốc doanh nghiệp A đã buộc một số công nhân nghỉ việc với lý do họ là người dân tộc thiểu số. Việc làm của vị giám đốc doanh nghiệp đã vi phạm:**



- A. Quyền bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động
- B. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc
- C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ
- D. Quyền bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động

**Câu 31:** Trong quá trình tổ chức kinh doanh, ông đã đã cùng với bạn bè của mình góp vốn để mở công ty cổ phần. Việc làm của ông A thể hiện nội dung nào trong bình đẳng về kinh doanh?

- A. Tự do mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh
- B. Tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh
- C. Tự chủ đăng ký kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.
- D. Tự chủ kinh doanh để nâng cao hiệu quả cạnh tranh.

**Câu 32:** Nhà nước thừa nhận các doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tồn tại và phát triển trong các ngành lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhằm:

- A. Để điều tiết có hiệu quả nền kinh tế và định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế
- B. Thể hiện vai trò to lớn của nhà nước
- C. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhiều thành phần ở nước ta.
- D. Để định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần.

**Câu 33:** Tình trạng bạo lực gia đình ở nước ta hiện nay rất phổ biến mà nạn nhân thường là phụ nữ và trẻ em. Nếu rơi vào hoàn cảnh này em sẽ chọn cách xử lý nào sau đây:

- A. Im lặng chịu đựng
- B. Tìm cách tự tử như nhiều trường hợp đã xảy ra
- C. Nhờ sự can thiệp, giúp đỡ của họ hàng, các đoàn thể, chính quyền địa phương.
- D. Lên mạng xã hội tố cáo

**Câu 34:** Bạo lực gia đình được hiểu là những hành vi:

- A. Là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.
- B. Là hành vi vô ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần đối với thành viên khác trong gia đình
- C. Là hành vi của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần với thành viên khác trong gia đình.
- D. Là hành vi của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần với thành viên khác trong gia đình và ngoài xã hội.

**Câu 35:** Thấy con riêng của chồng không ngoan, thường xuyên nói dối người lớn nên bà B đã nhắc nhở con. Thấy thế, chồng bà tức giận quát: “ Cô là mẹ kế thì không được nhắc nhở dạy bảo con tôi”. Bà B phản ứng: “ tôi nuôi nó thì tôi cũng có quyền và nghĩa vụ như anh”. Theo em, trong trường hợp này pháp luật quy định như thế nào?

- A. Cha dượng, mẹ kế không có quyền dạy dỗ con riêng của chồng, vợ
- B. Cha dượng, mẹ kế cũng có quyền và nghĩa vụ như cha mẹ ruột
- C. Cha dượng, mẹ kế chỉ có nghĩa vụ nuôi dưỡng con riêng của chồng, vợ
- D. Cha dượng, mẹ kế không có quyền và nghĩa vụ đối với con riêng của chồng, vợ



**Câu 36:** Chị A là công nhân đang làm việc tại một Công ty may xuất khẩu từ ngày 1/3/2012 theo chế độ hợp đồng lao động thời hạn 3 năm. Tháng 8/2014, chị A nghỉ sinh con 6 tháng theo quy định. Đầu tháng 2/2015, chị A trở lại làm việc sau thời gian nghỉ sinh, ngày 15/2/2015 chị được Giám đốc Công ty thông báo Công ty sẽ ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 1/3/2015 và giải quyết các quyền lợi đối với chị theo quy định của pháp luật. Theo Bộ Luật lao động, Giám đốc công ty đã vi phạm về nội dung?

- A. Bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động
- B. Bình đẳng trong việc giao kết hợp đồng lao động
- C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ
- D. Bình đẳng người lao động và người sử dụng lao động

**Câu 37:** Chị A làm hợp đồng lao động với Công ty X trong thời hạn 5 năm. Sau khi làm việc được 2 năm, chị K kết hôn với anh M và mang thai, Giám đốc Công ty X đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với chị A. Chị A phải căn cứ vào đâu để bảo vệ quyền lợi của mình.

- A. Căn cứ vào hợp đồng lao động
- B. Căn cứ vào hợp đồng lao động và Bộ Luật lao động năm 2012
- C. Căn cứ vào những quy định của công ty X
- D. Căn cứ vào quyền lợi của người lao động trong hợp đồng lao động

**Câu 38:** Việc đưa ra những quy định riêng thể hiện sự quan tâm đối với lao động nữ góp phần thực hiện tốt chính sách gì của Đảng ta?

- A. Đại đoàn kết dân tộc
- B. Bình đẳng giới
- C. Tiền lương
- D. An sinh xã hội

**Câu 39:** A tâm sự với B: “Sau này nếu có điều kiện kinh doanh mình chỉ muốn tham gia vào thành phần kinh tế nhà nước vì được quan tâm đầu tư và được pháp luật bảo hộ”. B cho rằng, ý kiến của A là chưa chính xác vì theo như B tất cả các thành phần kinh tế của nước ta đều được bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Theo em, ý kiến của bạn nào đúng?

- A. Ý kiến của A đúng
- B. Ý kiến của B đúng
- C. Ý kiến của cả A và B đều đúng
- D. Ý kiến của cả A và B đều sai

**Câu 40:** Nhà ông T có cửa hàng sản xuất đồ gỗ làm ăn ngày càng phát đạt. Vì vậy, ông muốn mở công ty tư nhân sản xuất đồ mỹ nghệ. Tuy nhiên, sau khi làm đầy đủ hồ sơ theo quy định để xin thành lập công ty tư nhân nộp cho cơ quan nhà nước, hồ sơ của ông không được chấp nhận với lý do không đủ điều kiện. Trong khi đó cơ quan này lại cấp phép cho công ty có quy mô tương tự nhà ông T. Hỏi trong trường hợp này biểu hiện vi phạm quyền bình đẳng trong lĩnh vực:

- A. Trong kinh doanh
- B. Trong thực hiện quyền lao động
- C. Trong kinh tế
- D. Trong giao kết hợp đồng lao động

**Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

**Câu 1:** Dân tộc được hiểu theo nghĩa:

- A. Một dân tộc ít người
- B. Một dân tộc thiểu số
- C. Một bộ phận dân cư của một quốc gia
- D. Một cộng đồng có chung lãnh thổ

**Câu 2:** Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là:

- A. Là các dân tộc được nhà nước và pháp luật tôn trọng và bảo vệ
- B. Là các dân tộc được nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển



- C. Là các dân tộc được nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng
- D. Là các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện phát triển

**Câu 3: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc bao gồm:**

- A. Bình đẳng về kinh tế, chính trị
- B. Bình đẳng về chính trị, văn hóa, giáo dục
- C. Bình đẳng về kinh tế, chính trị, giáo dục
- D. Bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa-giáo dục

**Câu 4: Thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của.....giữa các dân tộc và.....toàn dân tộc:**

- A. Đoàn kết/đại đoàn kết
- B. Đoàn kết/phát huy sức mạnh
- C. Bình đẳng/đoàn kết
- D. Đại đoàn kết/ phát huy sức mạnh.

**Câu 5: Trong lĩnh vực kinh tế, quyền bình đẳng của các dân tộc được hiểu là:**

- A. Nhà nước phải bảo đảm để công dân của tất cả các dân tộc đều có mức sống như nhau
- B. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển kinh tế bình đẳng, không có sự phân biệt giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số
- C. Mỗi dân tộc đều phải tự phát triển theo khả năng của mình
- D. Nhà nước phải bảo đảm để không có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng miền, giữa các dân tộc

**Câu 6: Trong lĩnh vực chính trị, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện ở:**

- A. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội
- B. Xây dựng quy ước, hương ước của thôn, bản
- C. Quyền được giữ gìn các phong tục, tập quán của địa phương
- D. Quyền được giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc

**Câu 7: Trong lĩnh vực giáo dục, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện:**

- A. Người dân tộc Kinh được quan tâm phát triển về mọi mặt
- B. Công dân thuộc các dân tộc khác nhau ở Việt Nam đều được nhà nước tạo mọi điều kiện để được bình đẳng về cơ hội học tập
- C. Người ở thành phố và thị xã được quan tâm hơn
- D. Truyền thống, phong tục của dân tộc thiểu số cần phải loại bỏ

**Câu 8: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là:**

- A. Các tôn giáo đều có thể hoạt động theo ý muốn của mình
- B. Các tôn giáo đều có quyền hoạt động trong khuôn khổ pháp luật
- C. Các tôn giáo được nhà nước đối xử khác nhau tùy theo quy mô hoạt động và ảnh hưởng của mình
- D. Nhà nước phải đáp ứng yêu cầu của các tôn giáo

**Câu 9: Ở Việt Nam tôn giáo được coi là Quốc giáo?**

- A. Đạo Phật
- B. Đạo Thiên Chúa
- C. Đạo Phật và Đạo Thiên Chúa
- D. Không có tôn giáo nào



**Câu 10: Bình đẳng giữa các tôn giáo là cơ sở của khối.....toàn dân tộc, tạo thành.....tổng hợp của dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước.**

- A. Đoàn kết/đại đoàn kết
- B. Đoàn kết/ sức mạnh
- C. Đoàn kết/bộ phận
- D. Đại đoàn kết/ sức mạnh

**Câu 11: Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh không đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước?**

- A. Kính chúa yêu nước
- B. Buôn thần bán thánh
- C. Tốt đời đẹp đạo
- D. Đạo pháp dân tộc

**Câu 12: Việt Nam là quốc gia có:**

- A. Có một tôn giáo hoạt động
- B. Đa tôn giáo
- C. Không có tôn giáo nào hoạt động
- D. Chỉ có Đạo Phật và Thiên Chúa giáo

**Câu 13: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:**

- A. Bình đẳng về chính trị
- B. Bình đẳng trước pháp luật
- C. Bình đẳng về văn hóa
- D. Bình đẳng về giáo dục

**Câu 14: Các dân tộc đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình cùng tiếng phổ thông là biểu hiện bình đẳng về:**

- A. Bình đẳng về chính trị
- B. Bình đẳng về kinh tế
- C. Bình đẳng về văn hóa
- D. Bình đẳng về giáo dục

**Câu 15: Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của các dân tộc được thực hiện thông qua các hình thức nào?**

- A. Thông qua đại biểu của dân tộc mình
- B. Trực tiếp phản ánh ý kiến, nguyện vọng của mình đến chính quyền cơ sở và thông qua đại biểu của dân tộc mình
- C. Thông qua hình thức dân chủ trực tiếp và gián tiếp
- D. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

**Câu 16: Nhà nước quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với vùng sâu vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số là biểu hiện bình đẳng về:**

- A. Bình đẳng giữa các dân tộc về kinh tế
- B. Bình đẳng về lao động, việc làm
- C. Bình đẳng về kinh tế
- D. Bình đẳng giữa các dân tộc về kinh tế-xã hội

**Câu 17: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về giáo dục?**

- A. Xây dựng một xã hội học tập.
- B. Mở mang hệ thống trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục.
- C. Miễn học phí và chế độ học cử tuyển đại học đối với học sinh người dân tộc thiểu số.
- D. Cấp học bổng đối với những học sinh, sinh viên giỏi.

**Câu 18: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác giao lưu giữa các dân tộc:**





- A. Các bên cùng có lợi
- B. Bình đẳng
- C. Đoàn kết giữa các dân tộc
- D. Tôn trọng lợi ích của các dân tộc thiểu số

**Câu 19: Các tôn giáo ở Việt Nam phải hoạt động trên cơ sở nào?**

- A. Trên tinh thần tôn trọng pháp luật
- B. Trên tinh thần tôn trọng giáo luật, giáo lý
- C. Trên tinh thần tôn trọng pháp luật, phát huy giá trị văn hóa của dân tộc
- D. Tôn trọng tổ chức và giáo luật tôn giáo, phát huy giá trị văn hóa của dân tộc.

**Câu 20: Tôn giáo nào ra đời tại Việt Nam?**

- A. Đạo Phật
- B. Đạo Thiên Chúa
- C. Đạo Cao Đài
- D. Đạo Cao Đài và Hòa Hảo

**Câu 21: Các cơ sở tôn giáo ở Việt Nam đều được nhà nước và pháp luật:**

- A. Bảo hộ; nghiêm cấm việc xâm phạm
- B. Bảo vệ chặt chẽ
- C. Nghiêm cấm không cho mọi người tới gần
- D. Có chế độ bảo vệ riêng

**Câu 22: Thực hiện quyền nghĩa vụ của công dân và ý thức chấp hành pháp luật, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau là trách nhiệm của:**

- A. Công dân có tôn giáo và không có tôn giáo
- B. Là nghĩa vụ của công dân có tôn giáo
- C. Công dân của những tôn giáo lớn
- D. Các chức sắc tôn giáo

**Câu 23: Thái độ đúng đối với tín ngưỡng và tôn giáo là:**

- A. Không quan tâm tới họ
- B. Học hỏi giáo lý của các tôn giáo
- C. Đoàn kết tôn giáo và học những điều hay của các tôn giáo bạn
- D. Truyền bá tôn giáo và thực hành giáo luật tôn giáo

**Câu 24: Điểm khác nhau cơ bản nhất giữa tôn giáo và tín ngưỡng:**

- A. Tôn giáo có tổ chức, giáo lý, giáo luật
- B. Thể hiện niềm tin tuyệt đối vào thần thánh, chúa trời
- C. Có hệ thống chức sắc tôn giáo đông đảo
- D. Có hệ thống cơ sở tôn giáo khang trang

**Câu 25: Tại kỳ bầu cử Quốc hội khóa XIV năm 2016, với suy nghĩ các đại biểu dân tộc thiểu số thì không được tham gia vào Quốc hội, chỉ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nên M đã gạch hết các đại biểu là người dân tộc thiểu số. Theo em, hành vi của M đã:**

- A. Vi phạm quyền tự do giữa các dân tộc
- B. Thiếu hiểu biết về pháp luật
- C. Kỳ thị dân tộc
- D. Vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc

**Câu 26: Tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số trong Quốc hội khóa XIV là bao nhiêu phần trăm?**

- A. 17 %
- B. 17,30%
- C. 18%
- D. 18,50%



**Câu 27: Nhà nước đảm bảo tỷ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nhằm:**

- A. Tạo điều kiện các để dân tộc phát triển về kinh tế - xã hội
- B. Tạo ra sự bình đẳng về chính trị giữa các dân tộc
- C. Tạo ra sự đoàn kết giữa các vùng miền
- D. Giảm bớt khoảng cách giàu nghèo giữa các dân tộc.

**Câu 28: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là:**

- A. Vấn đề quan trọng, cần giải quyết kịp thời
- B. Vấn đề chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt
- C. Vấn đề chiến lược cần giải quyết từ từ
- D. Vấn đề đặc biệt quan trọng, cần giải quyết dứt điểm

**Câu 29: Anh T và chị M yêu nhau. Hai người quyết định kết hôn, nhưng bố chị M không đồng ý vì hai người khác tôn giáo. Trong trường hợp này, bố chị M đã vi phạm:**

- A. Quyền tự do kết hôn
- B. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo
- C. Quyền tự do của công dân
- D. Quyền tự do kết hôn, quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

**Câu 30: Hoạt động tôn giáo nào sau đây của tín đồ tôn giáo vi phạm pháp luật?**

- A. Thực hiện lễ nghi trong các cơ sở tôn giáo
- B. Thi hành giáo luật của tôn giáo
- C. Tham gia vào hệ thống chức sắc tôn giáo
- D. Truyền bá tôn giáo tại trường học

**Câu 31: Tuyên bố nào sau đây của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề tôn giáo ngay sau ngày độc lập?**

- A. Tự do tín ngưỡng
- B. Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết
- C. Bình đẳng tôn giáo
- D. Đoàn kết lương giáo

**Câu 32: Để phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, năm 1998, Chính phủ đã thông qua chương trình nào?**

- A. Chương trình 134
- B. Chương trình 135
- C. Chương trình 136
- D. Chương trình 30A

**Câu 33: Hành vi nào sau đây bị coi là hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc:**

- A. Không sử dụng ngôn ngữ của người dân tộc thiểu số
- B. Người dân tộc thiểu số nhận nhiều chính sách ưu đãi của nhà nước
- C. Có trường dân tộc nội trú dành riêng cho học sinh dân tộc.
- D. Không chơi với bạn là người dân tộc thiểu số trong lớp học.

**Câu 34: Hiện nay, trên đất nước ta, lĩnh vực nào cần quan tâm đầu tư nhiều nhất cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số?**

- A. Lĩnh vực văn hóa
- B. Lĩnh vực chính trị
- C. Lĩnh vực kinh tế - xã hội
- D. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục

**Câu 35: Vấn đề nào ở nước ta hiện nay bị các thế lực thù địch lợi dụng triệt để để chống phá Đảng, nhà nước, gây mất trật tự an ninh quốc gia?**



- A. Vấn đề nhân quyền
- B. Vấn đề dân tộc tôn giáo
- C. Vấn đề tôn giáo
- D. Vấn đề tự do ngôn luận

**Câu 36:** Em có nhận xét gì về trình độ phát triển kinh tế-xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay?

- A. Đang “thay da đổi thịt” từng ngày
- B. Đang phát triển mạnh mẽ ở tất cả các vùng
- C. Đang phát triển mạnh mẽ ở tất cả các vùng
- D. Vẫn đang trong tình trạng khó khăn, chậm phát triển, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế

**Câu 37:** Theo em, yếu tố nào sau đây là sức mạnh nội sinh đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước?

- A. Tích cực hội nhập kinh tế toàn cầu
- B. Đảm bảo tốt các quyền tự do phát triển kinh tế, quyền tự do kinh doanh của công dân
- C. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giữa các dân tộc
- D. Thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm.

**Câu 38:** Tại trường trung học phổ thông A có rất nhiều học sinh người dân tộc thiểu số theo học. Trong các buổi biểu diễn văn nghệ của nhà trường, Ban giám hiệu nhà trường khuyến khích các em hát và múa các tiết mục về dân tộc mình. Việc làm của Ban giám hiệu nhà trường nhằm:

- A. Tạo ra sự đa dạng trong các buổi biểu diễn văn nghệ của nhà trường
- B. Phát hiện năng khiếu của học sinh người dân tộc
- C. Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc
- D. Duy trì và phát huy văn hóa các dân tộc, tạo ra sự bình đẳng về văn hóa giữa các dân tộc

**Câu 39:** Biết bạn H là người theo đạo Thiên chúa nên T thường trêu chọc bạn H, T còn đi nói với các bạn trong lớp đùng chọc thân với H vì H theo đạo. Nếu là bạn của T em sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Hòa theo bạn T, trêu chọc bạn H
- B. Không quan tâm, vì không phải việc của mình
- C. Giải thích cho T hiểu, bạn ấy đã vi phạm quyền bình đẳng về tín ngưỡng, tôn giáo
- D. Báo với Ban giám hiệu nhà trường để kỷ luật T.

**Câu 40:** Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, thái độ mà các cán bộ làm công tác tôn giáo hay mắc phải đó là:

- A. Đố kỵ, hẹp hòi
- B. Định kiến, phân biệt đối với người có đạo
- C. Định kiến, hẹp hòi đối với đồng bào có đạo
- D. Không quan tâm đối với đồng bào có đạo

**BÀI 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

**Câu 1:** Không ai được tự ý bắt và giam, giữ người là nói đến quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể
- B. Quyền được đảm bảo an toàn trong cuộc sống.
- C. Quyền tự do cá nhân.
- D. Quyền được đảm bảo an toàn tính mạng.

**Câu 2:** Cơ quan có thẩm quyền có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp nào dưới đây?



- A. Bắt bị can, bị cáo để tạm giam trong trường hợp cần thiết.
- B. Bắt người khi có căn cứ cho rằng người đó phạm tội.
- C. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- D. Bảo đảm quyền tự do đi lại của công dân.

**Câu 3: Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe của người khác là nội dung quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn về thân thể.
- D. Quyền được bảo đảm thư tín, điện thoại điện tín.

**Câu 4: Không ai được xâm phạm tới danh dự và nhân phẩm của người khác là nội dung quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.
- B. Quyền được bảo đảm an toàn thanh danh của người khác.
- C. Quyền nhân thân.
- D. Quyền được pháp luật bảo hộ về uy tín.

**Câu 5: Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của:**

- A. Thủ trưởng cơ quan.
- B. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- C. Cơ quan công an xã, phường.
- D. Cơ quan quân đội.

**Câu 6: Khám chỗ ở đúng pháp luật là thực hiện khám trong trường hợp nào dưới đây?**

- A. Do pháp luật quy định.
- B. Có nghi ngờ tội phạm.
- C. Cần tìm đồ vật quý.
- D. Do một người chỉ dẫn.

**Câu 7: Mọi hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của công dân đều vừa trái với đạo đức:**

- A. Vừa vi phạm pháp luật.
- B. Vừa trái với chính trị.
- C. Vừa vi phạm chính sách.
- D. Vừa trái với thực tiễn.

**Câu 8: Đánh người gây thương tích, làm tổn hại đến tính mạng và sức khỏe của người khác là hành vi xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn sức khỏe.
- D. Quyền được đảm bảo an toàn tính mạng.

**Câu 9: Tung tin nói xấu làm mất uy tín của người khác là hành vi xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền nhân thân.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn về uy tín, thanh danh.
- D. Quyền được bảo vệ uy tín.



**Câu 10: Tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu hủy thư, điện tín của người khác là xâm phạm quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- B. Quyền được đảm bảo an toàn nơi cư trú.
- C. Quyền bí mật đời tư
- D. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện tín.

**Câu 11: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân có nghĩa là không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của:**

- A. Viện kiểm sát.
- B. Thanh tra chính phủ.
- C. Cơ quan công an.
- D. Cơ quan điều tra.

**Câu 12: Đánh người gây thương tích là hành vi xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn trong cuộc sống.
- D. Quyền được bảo vệ sức khỏe.

**Câu 13: Không ai được bịa đặt nói xấu người khác là nói về quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền được đảm bảo uy tín cá nhân.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.
- C. Quyền được tôn trọng.
- D. Quyền được đảm bảo an toàn trong cuộc sống.

**Câu 14: Tự ý bắt và giam giữ người vì nghi ngờ không có căn cứ là vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền được đảm bảo an toàn cuộc sống.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng
- D. Quyền được tự do.

**Câu 15: Khám chỗ ở đúng pháp luật là thực hiện khám trong những trường hợp:**

- A. Được pháp luật cho phép.
- B. Nghi ngờ nơi ẩn náu của tội phạm.
- C. Cần kiểm tra tài sản bị mất.
- D. Cần điều tra tội phạm.

**Câu 16: Đánh người là hành vi xâm phạm quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm của công dân.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về tinh thần của công dân.
- D. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự của công dân.

**Câu 17: Quyền .....có ý nghĩa và vị trí quan trọng trong hệ thống các quyền công dân, là cơ sở, điều kiện để công dân tham gia chủ động và tích cực vào các hoạt động của Nhà nước và xã hội:**

- A. tự do ngôn luận.



- B. bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. bất khả xâm phạm về thân thể.
- D. bất khả xâm phạm về chỗ ở.

**Câu 18:** Các quyền tự do cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và Luật qui định mối quan hệ cơ bản giữa:

- A. Công dân với pháp luật.
- B. Nhà nước với pháp luật.
- C. Nhà nước với công dân.
- D. Công dân với Nhà nước và pháp luật.

**Câu 19:** Pháp luật quy định quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Bảo đảm an toàn về thân thể cho công dân.
- B. Ngăn chặn mọi hành vi bắt giữ người tùy tiện.
- C. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- D. Bảo đảm quyền tự do đi lại của công dân

**Câu 20:** Vì mâu thuẫn với nhau, N đã tung tin nói xấu về M lên Facebook. Hành vi của N vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền bí mật đời tư.
- B. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.
- D. Quyền được bảo đảm an toàn Facebook.

**Câu 21:** Do có mâu thuẫn với một cán bộ của Ủy ban nhân dân huyện H, K đã viết bài phê phán sai sự thật về người cán bộ này. Hành vi của K đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền được bảo vệ uy tín.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.
- C. Quyền được đảm bảo về thanh danh.
- D. Quyền được giữ gìn hình ảnh cá nhân.

**Câu 22:** Nhân lúc L – chị của M đi vắng, M đã xem trộm tin nhắn trong điện thoại của L, vì cho rằng mình là em nên có quyền làm như vậy. Hành vi của M đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây của L?

- A. Quyền được bảo đảm bí mật cá nhân.
- B. Quyền được giữ gìn tin tức, hình ảnh của cá nhân.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Quyền được bảo đảm an toàn đời sống tinh thần của cá nhân.

**Câu 23:** Vào một buổi sáng, 5 nữ sinh cùng trường THPT C đã đến nhà bạn M ( học sinh lớp 12<sup>5</sup> cùng trường) và gọi bạn M ra đường để nói chuyện rồi ra tay đánh dã man, gây thương tích nặng cho M. Hành vi đánh người của 5 nữ sinh trên đã xâm phạm tới quyền nào của M?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền được đảm bảo an toàn cá nhân.



- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.
- D. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

**Câu 24: Trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật thì ai trong những người dưới đây có quyền ra lệnh bắt và giam giữ người?**

- A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp
- B. Những người có thẩm quyền thuộc Viện kiểm sát, tòa án.
- C. Cán bộ, công chức đang thi hành công vụ.
- D. Cán bộ các cơ quan công an.

**Câu 25: C và D cãi nhau, C đã dùng những lời lẽ xúc phạm D trước các bạn trong lớp. Hành vi của C đã xâm phạm:**

- A. Quyền bất khả xâm phạm về danh dự.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về đời tư.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.
- D. Quyền được pháp luật bảo vệ về uy tín cá nhân.

**Câu 26: Pháp luật nghiêm cấm hành vi tự ý vào chỗ ở của người khác là nhằm mục đích nào dưới đây?**

- A. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- C. Bảo vệ quyền tự do cư trú của công dân.
- D. Bảo vệ quyền có nhà ở của công dân.

**Câu 27: Đối với người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì:**

- A. Công an mới có quyền bắt.
- B. Ai cũng có quyền bắt.
- C. Cơ quan điều tra mới có quyền bắt.
- D. Người đủ 18 tuổi trở lên mới có quyền bắt.

**Câu 28: Ai trong số những người dưới đây có quyền ra lệnh khám chỗ ở của công dân?**

- A. Cán bộ, chiến sỹ công an.
- B. Những người làm nhiệm vụ điều tra.
- C. Những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- D. Những người bị mất tài sản cần phải kiểm tra, xác minh.

**Câu 29: L và M mâu thuẫn cá nhân, L đã nói sai sự thật về việc M mở sách xem trong giờ kiểm tra môn GDCD. Hành vi của L xâm phạm tới quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền được giữ gìn danh dự của cá nhân.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về danh dự của công dân.
- D. Quyền được đảm bảo an toàn cuộc sống.

**Câu 30: Bất kì ai cũng có quyền được bắt người trong những trường hợp nào dưới đây?**

- A. Người đang chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội.
- B. Người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.
- C. Người có dấu hiệu thực hiện hành vi phạm tội.



D. Người bị nghi ngờ phạm tội.

**Câu 31:** Khi nhìn thấy kẻ gian đột nhập vào nhà hàng xóm, N đã báo ngay cho cơ quan công an. N đã thực hiện quyền nào của công dân?

- A. Quyền khiếu nại.
- B. Quyền tố cáo.
- C. Quyền tự do ngôn luận.
- D. Quyền nhân thân.

**Câu 32:** Khám chỗ ở của công dân trong trường hợp nào dưới đây là đúng pháp luật?

- A. Khi có nghi ngờ người phạm pháp đang lẩn trốn ở đó.
- B. Khi được pháp luật cho phép và có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- C. Khi công an cần khám nhà để kiểm tra hộ khẩu.
- D. Khi công an cần khám nhà để tìm kiếm chứng cứ liên quan đến vụ án.

**Câu 33:** Đã mấy lần thấy M nói chuyện qua điện thoại, L lại tìm cách đến gần để nghe. Hành vi này của L xâm phạm quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền được bảo đảm bí mật thư tín, điện tín.
- B. Quyền bí mật điện tín.
- C. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật về điện thoại.
- D. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.

**Câu 34:** Đối với những người nào dưới đây, thì ai cũng có quyền bắt người và giải ngay đến cơ quan công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất?

- A. Người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.
- B. Người đang bị nghi là phạm tội.
- C. Người đang gây rối trật tự công cộng.
- D. Người đang chuẩn bị vi phạm pháp luật.

**Câu 35:** M đã lập Facebook giả mạo tên của T và đăng một số tin để người khác hiểu xấu về T. Hành vi này của M xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về đời sống tinh thần.
- B. Quyền bí mật đời tư.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.
- D. Quyền được bảo đảm an toàn về thư tín, điện thoại, điện tín.

**Câu 36:** "Không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu huỷ thư, điện tín của người khác." là một nội dung thuộc:

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

**Câu 37:** Khi nào thì được xem tin nhắn trên điện thoại của bạn thân?

- A. Đã là bạn thân thì có thể tự ý xem.
- B. Chỉ được xem nếu bạn đồng ý
- C. Khi người lớn đồng ý thì có quyền xem.





D. Bạn đã đồng ý thì mình có thể xem hết cả các tin nhắn khác.

**Câu 38: Chị D thuê căn phòng của bà B. Một lần chị D không có nhà, bà B đã mở khóa phòng để vào kiểm tra. Bà B có quyền tự ý vào phòng chị D khi chị D không có nhà hay không? Vì sao?**

- A. Bà B có quyền vào bất cứ khi nào vì đây là nhà của bà.
- B. Bà B có thể vào rồi sau đó nói với chị D.
- C. Bà B có thể vào không cần nói với chị D vì bà chỉ xem không động vào tài sản của chị D.
- D. Bà B không có quyền vì đây là chỗ ở của người khác.

**Câu 39: H bị mấy học sinh lớp khác đánh hội đồng. M chứng kiến cảnh này nhưng không can ngăn mà còn quay video, sau đó đưa lên Facebook cùng những lời bình luận xấu về H. Hành vi của M đã vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?**

- A. Quyền bí mật đời tư.
- B. Quyền được đảm bảo an toàn về danh dự của cá nhân.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.
- D. Quyền được đảm bảo an toàn cuộc sống.

**Câu 40: Bất người trong trường hợp nào dưới đây thì không vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?**

- A. Hai học sinh gây mất trật tự trong lớp học.
- B. Hai nhà hàng xóm to tiếng với nhau.
- C. Một người tung tin, bịa đặt nói xấu người khác.
- D. Một người đang lấy trộm xe máy.

**Câu 41: Học sinh có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách nào dưới đây?**

- A. Đưa tin tức không hay về trường mình lên Facebook.
- B. Phát biểu ý kiến xây dựng trường, lớp mình trong các cuộc họp.
- C. Chê bai trường mình ở nơi khác.
- D. Tự do nói bất cứ điều gì về trường mình.

**Câu 42: Học sinh có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách nào dưới đây?**

- A. Đưa tin tức không hay về trường mình lên Facebook.
- B. Phát biểu ý kiến xây dựng trường, lớp mình trong các cuộc họp.
- C. Chê bai trường mình ở nơi khác.
- D. Tự do nói bất cứ điều gì về trường mình.

**Câu 43: Hành vi nào sau đây không vi phạm pháp luật về chỗ ở của công dân:**

- A. vào khám nhà ông A theo lệnh khám nhà của trưởng công an huyện.
- B. người chồng nghi vợ lấy trộm tiền của mình nên đuổi vợ ra khỏi nhà.
- C. bà mai nghi nhà bà T ăn trộm gà của nhà mình nên vào nhà bà T để tìm kiếm.
- D. công an nghi có tội phạm nguy hiểm đang chôn trong nhà ông B nên đã vào lục soát.

**Câu 44: Trong lúc H đang bận việc riêng thì điện thoại có tin nhắn, T đã tự ý mở điện thoại của H ra đọc tin nhắn. Hành vi này của T đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây?**

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự của công dân.



- B. Quyền tự do dân chủ của công dân.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại của công dân.
- D. Quyền tự do ngôn luận của công dân.

Câu 45: B và T là bạn thân, học cùng lớp với nhau. Khi giữa hai người nảy sinh mâu thuẫn, T đã tung tin xấu, bịa đặt về B trên facebook. Nếu là bạn học cùng lớp của T và B, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?

- A. Coi như không biết vì đây là việc riêng của T.
- B. Khuyên T gỡ bỏ tin vì đã xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác.
- C. Khuyên B nói xấu lại T trên facebook.
- D. Chia sẻ thông tin đó trên facebook.

**Câu 46: Phải học tập tìm hiểu nội dung các quyền tự do cơ bản để phân biệt hành vi đúng pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật là trách nhiệm của**

- A. Nhân dân
- B. Công dân
- C. Nhà nước
- D. Lãnh đạo nhà nước

**Câu 47: Nhận định nào sau đây ĐÚNG**

Khi có người .....là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần bắt ngay để người đó không trốn được

- A. Chính mắt trông thấy
- B. Xác nhận đúng
- C. Chứng kiến nói lại
- D. Tất cả đều sai

**Câu 48: Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ các quyền tự do cơ bản là trách nhiệm của**

- A. Nhân dân
- B. Công dân
- C. Nhà nước
- D. Lãnh đạo nhà nước

**Câu 49: Quyền .....có ý nghĩa và vị trí quan trọng trong hệ thống các quyền công dân, là cơ sở, điều kiện để công dân tham gia chủ động và tích cực vào các hoạt động của Nhà nước và xã hội.**

- A. tự do ngôn luận
- B. bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- C. bất khả xâm phạm về thân thể
- D. bất khả xâm phạm về chỗ ở

**Câu 50: Nếu nhìn thấy một người trộm xe máy của người khác, em sẽ lựa chọn cách xử sự nào dưới đây cho đúng với quy định của pháp luật?**

- A. Lò đi, coi như không biết.
- B. Báo cho Ủy ban nhân dân.
- C. Báo cơ quan công an.
- D. Hô to lên để người khác biết và đến bắt.

**Câu 51: Anh Q và anh P bắt được kẻ đang bị truy nã. Hai anh đang lúng túng không biết nên làm gì tiếp theo. Trong trường hợp này, em sẽ khuyên hai anh cách xử sự nào dưới đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?**

- A. Đánh kẻ truy nã một trận cho sợ.
- B. Mắng kẻ truy nã một hồi cho hả giận
- C. Lập biên bản rồi thả ra.



D. Giải về cơ quan nơi gần nhất.

**Câu 52:** *T biết H hay tung tin nói xấu về mình với một số bạn trong lớp nhưng T không biết xử sự như thế nào, nếu là T, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây để bảo vệ danh dự, nhân phẩm của mình theo đúng pháp luật?*

- A. Mắng H một trận cho hả giận.
- B. Nói xấu H như H đã nói xấu mình.
- C. Nêu vấn đề ra trong buổi sinh hoạt lớp cuối tuần.
- D. Trực tiếp nói chuyện và yêu cầu H phải cải chính những điều đã nói xấu về mình.

**Câu 53:** *Nếu trong trường hợp có một người trong lớp bịa đặt, tung tin xấu về mình trên Facebook, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây cho phù hợp với pháp luật?*

- A. Đăng tin trên Facebook nói xấu lại người đó.
- B. Gặp trực tiếp mắng người đó cho hả giận.
- C. Lờ đi không nói gì.
- D. Gặp nói chuyện trực tiếp và yêu cầu người đó xóa tin trên Facebook.

**Câu 54:** *L lưu giữ hình ảnh kỷ niệm về tình yêu với bạn trai. X là bạn của L đã tự tiện mở máy tính của L, copy file ảnh này và đưa cho Y, Y đã đăng những ảnh này lên Facebook với lời bình luận không tốt theo em, trong trường hợp này L phải làm theo cách nào dưới đây để bảo vệ quyền của mình?*

- A. Tố cáo X và Y với cơ quan công an.
- B. Nói xấu X và Y, kể hết sự việc trên Facebook.
- C. Im lặng, không nói gì.
- D. Nói chuyện với cả hai người và yêu cầu gỡ những những hình ảnh này.

**Câu 55:** *Chỉ có người có thẩm quyền theo quy định của ..... mới có quyền ra lệnh khám chỗ ở của người khác, người khám phải tiến hành thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định:*

- A. Bộ luật dân sự
- B. Luật khiếu nại, tố cáo.
- C. Bộ luật tố tụng hình sự.
- D. Bộ luật hình sự.

**Câu 56:** *Hành vi nào sau đây không vi phạm pháp luật về chỗ ở của công dân.*

- A. vào khám nhà ông A theo lệnh khám nhà của trưởng công an huyện.
- B. người chồng nghi vợ lấy trộm tiền của mình nên đuổi vợ ra khỏi nhà.
- C. bà mai nghi nhà bà T ăn trộm gà của nhà mình nên vào nhà bà T để tìm kiếm.
- D. công an nghi có tội phạm nguy hiểm đang chôn trong nhà ông B nên đã vào lục soát.

**Câu 57:** *Do mâu thuẫn, cãi vã to tiếng rồi chửi nhau, học sinh A nóng giận mất bình tĩnh nên đã ném bình hoa ở lớp vào mặt học sinh B. Học sinh B tránh được nên bình hoa trúng vào đầu học sinh C đang đứng ngoài lên tiếng bênh vực học sinh A.*

Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh B

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân



D. Không vi phạm gì

**Câu 58: Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh C**

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
- D. Không vi phạm gì

**Câu 59: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền tự do cơ bản của công dân, thuộc loại quyền về bí mật đời tư của cá nhân được pháp luật bảo vệ " là một nội dung thuộc:**

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

**Câu 60: Nhận định nào sau đây là SAI:**

Phạm tội quả tang là người

- A. Đang thực hiện tội phạm
- B. Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện
- C. Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt
- D. Ý kiến khác

### 3. Đáp án

#### BÀI 1:

1C	2D	3A	4B	5C	6B	7C	8D	9A	10B
11A	12C	13A	14A	15D	16A	17C	18C	19A	20A
21D	22B	23B	24A	25D	26C	27D	28C	29B	30A

#### BÀI 2:

1A	2B	3C	4C	5B	6B	7B	8A	9C	10D
11C	12B	13C	14B	15A	16C	17A	18C	19B	20B
21C	22C	23A	24B	25A	26A	27A	28A	29C	30A
31C	32B	33B	34A	35D	36C	37A	38B	39B	40C
41C	42C	43C	44A	45B	46D	47B	48C	49D	50B

#### BÀI 3:

1D	2B	3A	4B	5C	6B	7C	8B	9A	10C
11C	12D	13B	14B	15C	16C	17C	18A	19D	20C

#### BÀI 4:

1D	2B	3A	4B	5B	6D	7D	8C	9B	10C
11B	12D	13A	14C	15C	16D	17C	18D	19B	20C



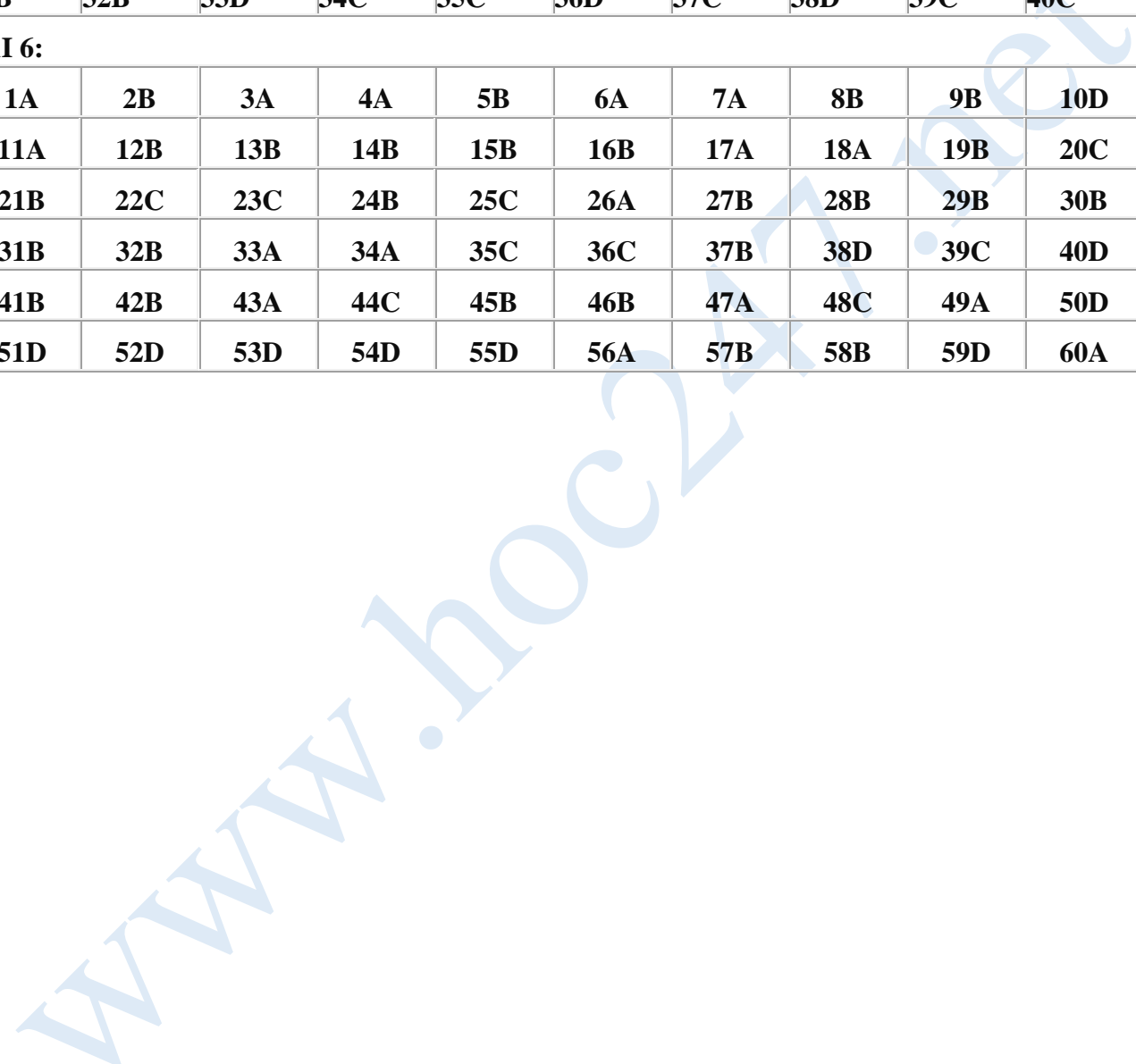
21C	22B	23D	24D	25C	26B	27B	28C	29B	30D
31B	32A	33C	34A	35B	36C	37B	38B	39B	40A

**BÀI 5:**

1C	2B	3D	4A	5B	6A	7B	8B	9D	10D
11B	12B	13C	14C	15C	16A	17C	18B	19C	20D
21A	22A	23C	24A	25B	26B	27B	28B	29D	30D
31B	32B	33D	34C	35C	36D	37C	38D	39C	40C

**BÀI 6:**

1A	2B	3A	4A	5B	6A	7A	8B	9B	10D
11A	12B	13B	14B	15B	16B	17A	18A	19B	20C
21B	22C	23C	24B	25C	26A	27B	28B	29B	30B
31B	32B	33A	34A	35C	36C	37B	38D	39C	40D
41B	42B	43A	44C	45B	46B	47A	48C	49A	50D
51D	52D	53D	54D	55D	56A	57B	58B	59D	60A





Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

## I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường *PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An* và các trường Chuyên khác cùng *TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn.*

## II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học** và **Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: *TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn* cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

## III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí  
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.